

70-34345
237/860

MẪU NHÃN HỘP-VÌ SẢN PHẨM ANTIZYME

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 22/02/2018

Hộp 10 vỉ x 10 viên nhai

GMP - WHO

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME



COMPOSITION: Each tablet contains:

- Aluminum hydroxide dry gel 200mg
- Magnesium hydroxide 200mg
- Simethicone 20 mg

Excipients: q.s. 1 tablet.

INDICATIONS:

- Gastro-duodenal acute or chronic ulcerative.
- Increased gastric acid secretion, gastric stimulation syndrome.
- Treatment and prevention gastrointestinal bleeding.
- Gastroesophageal reflux.

DOSAGE AND USAGE, CONTRAINDICATIONS, SIDE-EFFECTS, AND OTHER INFORMATION:

Please read the instruction enclosed.

STORAGE: Dry place, below 30°C, avoid the sunlight.

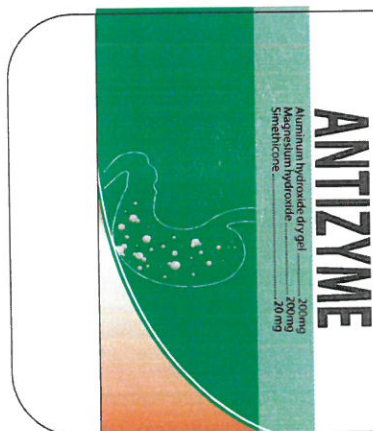
SPECIFICATIONS: Manufacturer

VISA:

OUT OF THE REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE LEAFLET
BEFORE USE

MEDISUN

Pharmaceutical Joint Stock Company
521, An Loi town, Hoa Loi ward, Ben Cat
Commune, Binh Duong province
Tel: 0650 3589036 Fax: 0650 3589297



GMP - WHO

Box of 10 blisters x 10 chewable tablet

THÀNH PHẦN: Mỗi viên chứa:

- Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
- Magnesi hydroxyd 200 mg
- Simethicon 20 mg

Tá dược: Vừa đủ 1 viên.

CHỈ ĐỊNH:

- Viêm loét dạ dày-tá tràng cấp, mạn tính.
- Tăng tiết acid dạ dày, hội chứng dạ dày kích thích.
- Điều trị và dự phòng xuất huyết tiêu hóa.
- Trào ngược dạ dày-thực quản.

LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xin đọc kỹ trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

BẢO QUẢN: Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN: TCCS

SĐK:

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG**

Số lô SX:

NSX dd/mm/yyyy

HD: dd/mm/yyyy

MEDISUN

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ME DI SUN
Số 521, Kp. An Lợi, P.Hoà Lợi, Tx.Bến Cát, T.Bình
Dương
ĐT: 0650 3589036 Fax: 0650 3589297

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

ANTIZYME

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg
Magnesi hydroxyd 200 mg
Simethicon 20 mg

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ME DI SUN

HD: dd/mm/yyyy

Số lô SX:

MẪU NHÃN CHAI ANTIZYME

THÀNH PHẦN: Mỗi viên chứa: - Gel nhôm hydroxyd khô: 200 mg (tương đương 153 mg nhôm hydroxyd) - Magnesi hydroxyd: 200 mg - Simethicon: 20 mg Tá dược: Vừa đủ 1 viên. CHỈ ĐỊNH: - Viêm loét dạ dày-tá tràng cấp, mạn tính. - Tăng tiết acid dạ dày, hội chứng dạ dày kích thích. - Điều trị và dự phòng xuất huyết tiêu hóa. - Trào ngược dạ dày-thực quản. LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: - Xin đọc kỹ trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc. BẢO QUẢN: - Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. TIÊU CHUẨN: TCCS SĐK:	Chai 100 viên nhai GMP - WHO ANTIZYME <table border="0"><tr><td>Gel nhôm hydroxyd khô</td><td>200 mg</td></tr><tr><td>Magnesi hydroxyd</td><td>200 mg</td></tr><tr><td>Simethicon</td><td>20 mg</td></tr></table> 	Gel nhôm hydroxyd khô	200 mg	Magnesi hydroxyd	200 mg	Simethicon	20 mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME DI SUN ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG Số lô SX: NSX: dd/mm/yyyy HD: dd/mm/yyyy CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME DI SUN Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: (0650) 3589 036 - FAX: (0650) 3589 297
Gel nhôm hydroxyd khô	200 mg							
Magnesi hydroxyd	200 mg							
Simethicon	20 mg							

Phần dành cho người bệnh

Tên thuốc: ANTIZYME

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

“Để xa tầm tay trẻ em”

“Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”

Thành phần, hàm lượng của thuốc:

Hoạt chất (ghi rõ hàm lượng):

Mỗi viên nhai chứa

Gel nhôm hydroxyd khô..... 200 mg (tương đương 153 mg nhôm hydroxyd)

Magnesi hydroxyd200 mg

Simethicon20 mg

Tá dược: Lactose hydrat, manitol, tinh bột ngô, natri saccharin, povidon-K30, hương tuti, vani, magnesi stearat, talc tinh khiết.

Mô tả sản phẩm: Viên nén hình tròn, màu trắng

Quy cách đóng gói: 10 viên/vi X 10 vi/hộp. Lọ 100 viên

Thuốc dùng cho bệnh gì?

Viêm loét dạ dày-tá tràng cấp, mạn tính.

Tăng tiết acid dạ dày, hội chứng dạ dày kích thích.

Điều trị và dự phòng xuất huyết tiêu hóa.

Trào ngược dạ dày-thực quản

Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

Người lớn: 2-4 viên/ lần x 4 lần/ngày. Nhai sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ từ 20 phút đến 1 giờ hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ.

Trẻ em:

Trẻ em 6-12 tuổi: 2 viên/lần x 3-4 lần / ngày

Trẻ em 12-18 tuổi: 2-4 viên/lần x 4 lần / ngày

Nhai sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ từ 20 phút đến 1 giờ hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ.

Người già:

Dùng như liều người lớn.

Khi nào không nên dùng thuốc này?

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

- Rối loạn chuyển hóa porphyrin.
- Bệnh nhân suy thận nặng.
- Bệnh nhân suy nhược cơ thể, tiền sản giật, nhiễm độc kiềm, tăng magnesi huyết, giảm phosphat huyết.
- Bệnh nhân đang thẩm tách máu, loét ruột kết, viêm ruột thừa, tắc ruột, hẹp môn vị.
- Trẻ nhỏ dưới 6 tuổi vì nguy cơ nhiễm độc nhôm, đặc biệt ở trẻ mất nước hoặc bị suy thận.

Tác dụng không mong muốn (nếu có):



- Ở những bệnh nhân suy thận mạn tính có thể gây tăng magnesi huyết, nhuyễn xương, bệnh não, sa sút trí tuệ và thiếu máu hồng cầu nhỏ.

Thường gặp, ADR >1/100.

Tiêu hóa: Táo bón, tiêu chảy

Ít gặp, 1/1000 < ADR, 1/100.

Tiêu hóa: Liều cao gây tắc nghẽn ruột.

Máu: Giảm phosphat huyết, giảm magnesi huyết

Hiếm gặp, ADR <1/1000

Toàn thân: Phản ứng dị ứng xảy ra ở những bệnh nhân có chức năng thận bình thường

Xử trí tác dụng không mong muốn:

Ngưng dùng thuốc nếu cần thiết

Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

- Thuốc kháng acid tương tác với nhiều thuốc khác do làm thay đổi pH dạ dày, thuốc được hấp thu và tạo thành phức hợp không hấp thu. Những tương tác này có thể giảm bằng cách dùng thuốc kháng acid cách thuốc khác 2 - 3 giờ.
- Nhôm hydroxyd có thể làm giảm sự hấp thu của những thuốc dùng đồng thời như: tetracyclin, digoxin, indomethacin, muối sắt, isoniazid, allopurinol, benzodiazepin, corticosteroid, penicilamin, phenothiazin, ranitidin, ketoconazol, itraconazol có thể làm giảm sự hấp thu của những thuốc này.
- Sự hấp thu nhôm từ ống tiêu hóa có thể tăng nếu dùng chung với citrat hay acid ascorbic.
- Magnesi hydroxyd làm giảm hấp thu tetracyclin, digoxin, indomethacin hoặc các muối sắt, giảm tác dụng của những thuốc này.
- Magnesi hydroxyd làm giảm thải trừ amphetamin, quinidin, tăng tác dụng của những thuốc này.

Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?

Khi bạn một lần quên không dùng thuốc, chỉ cần dùng liều tiếp theo và tiếp tục dùng thuốc theo liệu pháp đã được khuyến cáo. Không được gấp đôi liều để bù vào liều đã quên.

Cần bảo quản thuốc này như thế nào?

Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều:

- Những triệu chứng nghiêm trọng có thể không xảy ra khi quá liều. Ở những bệnh nhân suy thận có thể gây tăng magnesi huyết với những triệu chứng như ức chế hô hấp và mất phản xạ gân sâu, buồn nôn, nôn, da ửng đỏ, khát, hạ huyết áp do giãn mạch ngoại vi, chóng mặt, lú lẫn, nói lắp, hoa mắt, yếu cơ bắp, chậm nhịp tim và ngừng tim.

Cần làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo?

- Điều trị tăng magnesi huyết nhẹ bằng cách giảm magnesi trong chế độ ăn.
- Tăng magnesi huyết nặng: cần hỗ trợ hô hấp và tuần hoàn. Tiêm tĩnh mạch chậm 10 - 20 ml calci gluconat 10% để đảo ngược tác dụng trên hệ tim mạch và hệ hô hấp. Nếu chức năng thận bình thường, nhai với lượng nước vừa đủ để tăng độ thanh thải của thận, có thể dùng furosemid. Thẩm tách máu bằng dung dịch thẩm tách không có magnesi, hiệu quả trong việc loại bỏ magnesi và cần thiết ở những bệnh nhân suy thận hay khi những phương pháp khác không hiệu quả.

Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này?

Simethicon:

63457

ÔNG TY
CỔ PHẦN
ƯỚC PH
IE DIS

V CÁT-T

BO

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

TR

Không nên dùng simethicon để điều trị cơn đau bụng ở trẻ em vì chưa có đủ thông tin về lợi ích và độ an toàn cho lứa tuổi này.

Không dùng quá liều khuyến cáo.

Tránh đồ uống có carbonat (soda hoặc nước ngọt) hoặc các thức ăn có thể làm tăng lượng khí trong dạ dày.

Nhôm hydroxyd:

Cần dùng thận trọng với người có suy tim sung huyết, suy thận, phù, xơ gan và chế độ ăn ít natri và với người vừa mới chảy máu đường tiêu hóa.

Người cao tuổi do bệnh tật hoặc do điều trị thuốc có thể bị táo bón và phân rắn. Cần thận trọng về tương tác thuốc.

Kiểm tra định kỳ hàng tháng hoặc 2 tháng 1 lần nồng độ phosphat trong huyết thanh cho người bệnh chạy thận nhân tạo và dùng lâu dài thuốc kháng acid chứa nhôm.

Magnesi hydroxyd:

Tránh dùng trong hôn mê gan nếu có nguy cơ suy thận.

Không nên dùng thuốc cho bệnh nhân bị suy thận nặng.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

- Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ có thai (không sử dụng liều cao và lâu dài).
- Lượng nhỏ magnesi phân bố trong sữa mẹ, vì vậy thận trọng khi dùng thuốc trong thời gian cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ?

- Nếu có bất kỳ phản ứng không mong muốn nào xảy ra.
- Nếu bạn có thai hoặc đang cho con bú, tham vấn bác sĩ trước khi dùng thuốc.

"Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ"

Điều kiện bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tên, địa chỉ, biểu tượng (nếu có) của cơ sở sản xuất:

Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun.

Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Ngày xem xét sửa đổi cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: _____



Phần dành cho cán bộ y tế

CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Nhóm thuốc kháng acid dịch vị và chống đầy hơi

Mã ATC: A02AF02

- Simethicon là một chất lỏng nhớt, trong mờ, màu xám, có chứa 4-7% (khối lượng/khối lượng) silicon dioxyd. Cơ chế tác động của nó là làm giảm sức căng bề mặt các bong bóng hơi, khiến cho chúng kết hợp lại. Nó được sử dụng để loại bỏ hơi, khí hay bọt ở đường tiêu hóa trước khi chụp X-quang và để làm giảm căng bụng và khó tiêu.
- Nhôm hydroxyd có khả năng làm tăng pH dịch dạ dày. Nhôm hydroxyd làm tăng pH dịch dạ dày chậm hơn các chất kháng acid nhóm calci và magnesi. Uống khi đói, thuốc có thể đi qua dạ dày rộng quá nhanh để thể hiện hết tác dụng trung hòa acid của nó. Sự tăng pH dịch vị do chất kháng acid gây nên sẽ ức chế tác dụng tiêu protid của pepsin; tác dụng này rất quan trọng ở người bệnh loét dạ dày. Nhôm hydroxyd tan chậm trong dạ dày và phản ứng với acid clohydric dạ dày tạo thành nhôm clorid và nước. Khoảng 17 - 30% nhôm clorid tạo thành được hấp thu và thải trừ nhanh qua thận ở người có chức năng thận bình thường. Ở ruột non, nhôm clorid chuyển nhanh thành muối nhôm kiềm không tan, kém hấp thu. Nhôm có trong các thuốc kháng acid (trừ nhôm phosphat) phối hợp với phosphat ăn vào tạo thành nhôm phosphat không tan trong ruột và được thải trừ qua phân. Nếu chế độ ăn ít phosphat, các thuốc kháng acid chứa nhôm sẽ làm giảm hấp thu phosphat và gây chứng giảm phosphat trong máu và chứng giảm phosphat nước tiểu.
- Các antacid chứa magnesi là các hợp chất magnesi vô cơ tan trong acid dịch vị, giải phóng ra các anion có tác dụng trung hòa acid dạ dày, hoặc làm chất đệm cho dịch dạ dày, nhưng không tác động đến sự sản sinh ra dịch dạ dày. Kết quả là pH dạ dày tăng lên, làm giảm triệu chứng tăng acid. Thuốc cũng làm giảm độ acid trong thực quản và làm giảm tác dụng của men pepsin. Tác dụng này đặc biệt quan trọng ở người bệnh loét tiêu hóa. pH tối ưu của hoạt động pepsin là 1,5 - 2,5; do antacid làm tăng pH dạ dày lên trên 4, nên tác dụng phân giải protein của pepsin là thấp nhất.
- Nhôm hydroxyd thường dùng phối hợp với thuốc kháng acid chứa magnesi để giảm táo bón. Gel nhôm - magnesi hydroxyd uống với liều có khả năng trung hòa được 200 mEq acid (khoảng 50 ml), dùng 6 - 8 lần mỗi ngày, gây liền vết loét dạ dày tá tràng tương đương với cimetidin.

CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

- Simethicon là một chất trơ về mặt sinh lý học; dường như nó không được hấp thu qua đường tiêu hóa hay làm cản trở tiết dịch vị hay sự hấp thu chất bổ dưỡng. Vì thế nó không có hoạt tính dược động học và sinh khả dụng. Nó không gây tác động có hại. Do tính chất không hấp thu, người ta đã báo cáo trên lâm sàng là không nhận thấy có bất kỳ các phản ứng phụ có ý nghĩa lâm sàng hay độc tính. Sau khi uống, thuốc này được bài tiết ở dạng không đổi vào phân.
- Nhôm hydroxyd tan chậm trong dạ dày và phản ứng với acid hydroclorid dạ dày tạo thành nhôm clorid và nước. Khoảng 17 - 30% nhôm clorid tạo thành được hấp thu và thải trừ nhanh qua thận ở người có chức năng thận bình thường; ở những bệnh nhân suy thận có nguy cơ tích lũy nhôm (đặc biệt trong xương và hệ thần kinh trung ương) và dẫn đến độc tính nhôm. Ở ruột



non, nhôm clorid chuyển nhanh thành muối nhôm kiềm không tan, kém hấp thu. Nhôm phối hợp với phosphat trong thức ăn tạo thành nhôm phosphat không tan trong ruột và được thải trừ qua phân.

- Magnesi hydroxyd phản ứng tương đối nhanh với acid hydroclorid trong dạ dày tạo thành magnesi clorid và nước. Khoảng 30% ion magnesi hấp thu vào ruột non. Trong huyết tương, khoảng 25-30% magnesi gắn với protein. Magnesi được thải trừ qua nước tiểu (phần được hấp thu) và phân (phần không được hấp thu). Lượng nhỏ magnesi phân bố trong sữa mẹ. Magnesi đi qua được nhau thai.

CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Chỉ định:

Viêm loét dạ dày-tá tràng cấp, mạn tính.

Tăng tiết acid dạ dày, hội chứng dạ dày kích thích.

Điều trị và dự phòng xuất huyết tiêu hóa.

Trào ngược dạ dày-thực quản

Liều dùng, cách dùng:

Người lớn: 2-4 viên/ lần x 4 lần/ngày. Nhai sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ từ 20 phút đến 1 giờ hoặc theo chỉ dẫn của bác sỹ.

Trẻ em:

Trẻ em 6-12 tuổi: 2 viên/lần x 3-4 lần / ngày

Trẻ em 12-18 tuổi: 2-4 viên/lần x 4 lần / ngày

Nhai sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ từ 20 phút đến 1 giờ hoặc theo chỉ dẫn của bác sỹ.

Người già:

Dùng như liều người lớn.

Chống chỉ định:

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

- Rối loạn chuyển hóa porphyrin.
- Bệnh nhân suy thận nặng.
- Bệnh nhân suy nhược cơ thể, tiền sản giật, nhiễm độc kiềm, tăng magnesi huyết, giảm phosphat huyết.
- Bệnh nhân đang thẩm tách máu, loét ruột kết, viêm ruột thừa, tắc ruột, hẹp môn vị.
- Trẻ nhỏ dưới 6 tuổi vì nguy cơ nhiễm độc nhôm, đặc biệt ở trẻ mất nước hoặc bị suy thận.

CÁC TRƯỜNG HỢP THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Simethicon:

Không nên dùng simethicon để điều trị cơn đau bụng ở trẻ em vì chưa có đủ thông tin về lợi ích và độ an toàn cho lứa tuổi này.

Không dùng quá liều khuyến cáo.

Tránh đồ uống có carbonat (soda hoặc nước ngọt) hoặc các thức ăn có thể làm tăng lượng khí trong dạ dày.

Nhôm hydroxyd:

0063

CÔNG
CỔ PH
UỘC F
IE DI

CAT-T.

Cần dùng thận trọng với người có suy tim sung huyết, suy thận, phù, xơ gan và chế độ ăn ít natri và với người vừa mới chảy máu đường tiêu hóa.

Người cao tuổi do bệnh tật hoặc do điều trị thuốc có thể bị táo bón và phân rắn. Cần thận trọng về tương tác thuốc.

Kiểm tra định kỳ hàng tháng hoặc 2 tháng 1 lần nồng độ phosphat trong huyết thanh cho người bệnh chạy thận nhân tạo và dùng lâu dài thuốc kháng acid chứa nhôm.

Magnesi hydroxyd:

Tránh dùng trong hôn mê gan nếu có nguy cơ suy thận.

Không nên dùng thuốc cho bệnh nhân bị suy thận nặng.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

- Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ có thai (không sử dụng liều cao và lâu dài).
- Lượng nhỏ magnesi phân bố trong sữa mẹ, vì vậy thận trọng khi dùng thuốc trong thời gian cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC CỦA THUỐC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC:

- Thuốc kháng acid tương tác với nhiều thuốc khác do làm thay đổi pH dạ dày, thuốc được hấp thu và tạo thành phức hợp không hấp thu. Những tương tác này có thể giảm bằng cách dùng thuốc kháng acid cách thuốc khác 2 - 3 giờ.
- Nhôm hydroxyd có thể làm giảm sự hấp thu của những thuốc dùng đồng thời như: tetracyclin, digoxin, indomethacin, muối sắt, isoniazid, allopurinol, benzodiazepin, corticosteroid, penicilamin, phenothiazin, ranitidin, ketoconazol, itraconazol có thể làm giảm sự hấp thu của những thuốc này.
- Sự hấp thu nhôm từ ống tiêu hóa có thể tăng nếu dùng chung với citrat hay acid ascorbic.
- Magnesi hydroxyd làm giảm hấp thu tetracyclin, digoxin, indomethacin hoặc các muối sắt, giảm tác dụng của những thuốc này.
- Magnesi hydroxyd làm giảm thải trừ amphetamin, quinidin, tăng tác dụng của những thuốc này.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Ở những bệnh nhân suy thận mạn tính có thể gây tăng magnesi huyết, nhuyễn xương, bệnh não, sa sút trí tuệ và thiếu máu hồng cầu nhỏ.

Thường gặp, ADR > 1/100.

Tiêu hóa: Táo bón, tiêu chảy

Ít gặp, 1/1000 < ADR, 1/100.

Tiêu hóa: Liều cao gây tắc nghẽn ruột.

Máu: Giảm phosphat huyết, giảm magnesi huyết

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Toàn thân: Phản ứng dị ứng xảy ra ở những bệnh nhân có chức năng thận bình thường

Xử trí tác dụng không mong muốn:

Ngưng dùng thuốc nếu cần thiết

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

4575
TY
AN
HÀM
SUN
SINH P

- Những triệu chứng nghiêm trọng có thể không xảy ra khi quá liều. Ở những bệnh nhân suy thận có thể gây tăng maginesi huyết với những triệu chứng như ức chế hô hấp và mất phản xạ gân sâu, buồn nôn, nôn, da ửng đỏ, khát, hạ huyết áp do giãn mạch ngoại vi, chóng mặt, lú lẫn, nói lắp, hoa mắt, yếu cơ bắp, chậm nhịp tim và ngừng tim.

Xử trí:

- Điều trị tăng maginesi huyết nhẹ bằng cách giảm maginesi trong chế độ ăn.
- Tăng maginesi huyết nặng: cần hỗ trợ hô hấp và tuần hoàn. Tiêm tĩnh mạch chậm 10 - 20 ml calci gluconat 10% để đảo ngược tác dụng trên hệ tim mạch và hệ hô hấp. Nếu chức năng thận bình thường, nhai với lượng nước vừa đủ để tăng độ thanh thải của thận, có thể dùng furosemid. Thẩm tách máu bằng dung dịch thẩm tách không có maginesi, hiệu quả trong việc loại bỏ maginesi và cần thiết ở những bệnh nhân suy thận hay khi những phương pháp khác không hiệu quả.

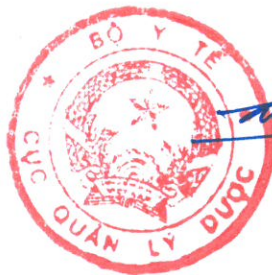
Điều kiện bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO KHÁC CỦA THUỐC (Nếu có):



Ds. Lê Minh Hoàn



TUQ. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh